TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đèo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Châu Hoa Đăng** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc ***"Tranh chấp đòi lại tài sản"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1958; bà Trần Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

(Bà D có mặt; ông Đ, bà L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2024 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Vào khoảng năm 1991-1992 bà có cho ông Phạm Hoàng Đ và bà Trần Thị L mượn 80 giạ lúa, do thời gian lâu quá bà không nhớ cho ông Đ mượn lúa loại lúa gì, khi cho mượn không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến, khi cho mượn thỏa thuận lãi suất 50%/năm, thỏa thuận một năm sau trả lúa. Bà đã nhiều lần đến nhà ông Đ, bà L để đòi số lúa trên nhưng ông Đ, bà L không trả. Nay bà yêu cầu ông Phạm Hoàng Đ và bà Trần Thị L trả số 80 giạ lúa, trị giá thành tiền

(160.000đ/giạ x 80 giạ) là 12.800.000đ, bà không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài yêu cầu trên bà không yêu cầu gì khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án ông Phạm Hoàng Đ và bà Trần Thị L trình bày:

Năm 1986 ông, bà có mượn của bà D 10 giạ lúa, loại lúa R42, hai bên thỏa thuận lãi suất 100%/năm, thống nhất khi nào có sẽ trả gốc, còn lãi thì trả hàng năm. Việc mượn lúa không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Từ khi mượn lúa đến nay ông chưa trả vốn, còn lãi thì trả từ khi mượn đến năm 1993 thì không trả nữa, việc trả lãi không có giấy tờ gì. Nay ông, bà chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của bà D, chỉ đồng ý trả 10 giạ lúa (vốn) và 10 giạ lúa (lãi). Ông, bà thống nhất với giá lúa bà D đưa ra là 160.000đ/giạ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai trình bày quan điểm***:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D để buộc ông Đ, bà L trả số tiền 3.200.000đ (20 giạ lúa). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu ông Đ, bà L trả số tiền 9.600.000đ (60 giạ lúa). Ông Đ, bà L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị D yêu cầu giải quyết tranh chấp đòi lại tài sản với bị đơn ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị L, bị đơn có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ1, bà L là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị D yêu cầu ông Đ1, bà L trả 80 giạ lúa, trị giá thành tiền là 12.800.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."*, theo đó bà D cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì bà có nghĩa vụ phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và

hợp pháp. Bà D khởi kiện nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ1, bà L có mượn số lúa nêu trên, trong khi đó ông Đ1, bà L chỉ thừa nhận có mượn số lúa gốc là 10 giạ. Quá trình làm việc tại Tòa án ông Đ1, bà L tự nguyện trả cho bà D thêm 10 giạ lúa nữa. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của ông Đ1, bà L, buộc ông Đ1, bà L có nghĩa vụ trả cho bà D 20 giạ lúa. Các đương sự đều thống nhất giá lúa bình quân tại địa phương có giá là 160.000đ/giạ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D để buộc ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà D 20 giạ lúa x 160.000đ/giạ, trị giá thành tiền là 3.200.000đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với 60 giạ lúa x 160.000đ/giạ, trị giá thành tiền là 9.600.000đ.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Ông Đ1, bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên bà D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó miễn án phí cho bà D.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D đối với ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị L;

Buộc ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị D số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D đối với ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị L trả số tiền 9.600.000đ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn án phí cho bà Phạm Thị D. Buộc ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị L phải nộp số tiền án phí là 300.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung